

4. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 4.1. Khoa học máy tính (Computer Science)
- 4.2. Kỹ thuật máy tính (Computer Engineering)
- 4.3. Hệ thống thông tin (Information Systems)
- 4.4. Công nghệ phần mềm (Software Engineering)
- 4.5. Truyền thông và mạng máy tính (Communication and Computer Networks)
- 4.6. Công nghệ thông tin (Information Technology)
- 4.7. An toàn thông tin (Information Security)
- 4.8. Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE và danh mục Scimago (Scopus)		Tạp chí	- SCI, SCIE và thuộc Scopus Q1 có $IF \geq 5$	0 – 3,0
				- SCI, SCIE và thuộc Scopus Q1 có $IF \geq 3$	0 – 2,5
				- SCI, SCIE và Scopus Q1	0 – 2,0
				- SCI, SCIE và Scopus Q2	0 – 1,75
				- SCI, SCIE và Scopus Q3	0 – 1,5
				- Scopus Q4	0 – 1,0
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác, có chỉ số ISSN		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế: - Hội nghị xếp hạng A* - Hội nghị xếp hạng A - Hội nghị còn lại		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,5
					0 – 1,25
					0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5
	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia			Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

	Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)			năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	
5.	Acta Mathematica Vietnamica	0251-4184	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
6.	An toàn thông tin (Chuyên san Nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực an toàn thông tin)	2615-9570	Tạp chí	Ban Cơ yếu Chính phủ	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024
7.	Công nghệ Thông tin & Truyền thông (Chuyên san “Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông”)	1859-3526	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0 0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024
8.	VNU Journal of Science: Computer Science and Communications Engineering	p-2615-9260 e-2588-1086 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2024
9.	Journal on Electronics and Communications	1859-378X	Tạp chí	Hội Vô tuyến-Điện tử Việt Nam	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2019
10.	Journal on Information Technologies & Communications (Research, Development and Application on Information & Communication Technology)	1859-3534	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2020 0 – 1,0 từ 2024
11.	Khoa học Công nghệ Thông tin và Truyền thông	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024
12.	Khoa học và Công nghệ Vietnam Journal of Science and Technology	2525-2518 e-2815-5874 (0866-708X)	Tạp chí ACI, Scopus từ 2022	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020 0 – 1,0 từ 2024
13.	Khoa học và Kỹ thuật (Chuyên san CNTT-TT)	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2021 0 – 1,0 từ 2024
14.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

15.	Tin học và Điều khiển học - Journal of Computer Science and Cybernetics	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020 0 – 1,0 từ 2025
16.	Khoa học và Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật	0868-3980 Từ 12/1996 2354–1083 Từ 3/2015 2734-9381 Từ 3/2021 2734-9373	Tạp chí	- Trường ĐHBK Hà Nội; - Trường ĐH Bách khoa, ĐH Quốc gia TP. HCM; - ĐH Đà Nẵng; - Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM; - Trường ĐH KTCN, Đại học Thái Nguyên; - HV Công nghệ BCVT.	0 – 0,5
17.	Tạp chí Khoa học của các cơ sở giáo dục đại học		Tạp chí	- Đại học Thái Nguyên - Đại học Huế - Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Cần Thơ - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội - Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Vinh - Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,5
18.	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự (Chuyên san Công nghệ thông tin và Điều khiển)	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
19.	Ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 – 0,50 0 từ 2025
20.	Vietnam Journal of Mathematics	0866-7179	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
21.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam bản B (Vietnam Journal of Science and Technology)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2025
22.	Tạp chí Khoa học của các cơ sở giáo dục đại học (đăng ký xét năm 2025)		Tạp chí	- Trường ĐH Quy Nhơn - Trường ĐH Trà Vinh - Trường ĐH Nam Cần Thơ - Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học - Trường ĐH Công nghệ Giao thông vận tải	0 – 0,25 từ 2025

				- Trường ĐH Mở TPHCM - Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế	
--	--	--	--	--	--

c) Tạp chí quốc tế uy tín: Thuộc Danh mục SCI, SCIE, Scopus Q1, Q2, Q3, trừ các tạp chí thuộc loại săn mồi, tạp chí được xuất bản bởi NXB săn mồi, tạp chí đóng tiền để được nhận đăng, tạp chí phản biện thời gian ngắn, tạp chí xuất bản nhiều bài trong một số.

d) Nhà xuất bản uy tín: Elsevier, Springer-Nature, Wiley, Taylor & Francis, có chỉ số ISBN.

d) Tác giả chính: Tác giả chính là tác giả đầu tiên và tác giả liên hệ với điều kiện: Không có co-first author và số lượng tác giả liên hệ khác với tác giả đầu tiên không vượt quá 1. Nếu có co-first author hoặc số lượng tác giả liên hệ khác với tác giả đầu tiên vượt quá 1 thì tác giả đầu tiên là tác giả chính duy nhất của bài báo hay báo cáo khoa học đó.